TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Ông Chau Rót Tha

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Kim Liệu là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết đinh hoãn phiên toà số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Bích Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

Bị đơn: Trần Thanh L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 25/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Bích Đ trình bày:

Bà Đ và ông L có thời gian quen biết tự tìm hiểu nhau sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống năm 2007, đến ngày 21/10/2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì tuy không có cự cãi nhau nhưng bất đồng quan

điểm thường xuyên không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2015 ông L đi Bình Dương làm 02 vợ chồng chính thức ly thân, khoảng đến năm 2018 ông L có người phụ nữ khác nên về kêu bà Đ làm đơn ly hôn và lấy chồng khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà Đ xin ly hôn với Trần Thanh L.

Về con chung có 01 con chung tên Trần Mỹ H, sinh ngày 09/10/2009 hiện bà Đ đang nuôi dưỡng, bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Thanh L vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2011, do mâu thuẫn trong đời sống chung không phù hợp về cách sinh hoạt trong đời sống vợ chồng, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Căn cứ biên bản xác minh ngày 26/6/2024 và ngày 09/8/2024 cho thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông L đã đến mức trầm trọng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Đ và ông L có 01 con chung tên Trần Mỹ H, sinh ngày 09/10/2009 hiện bà Đ đang nuôi dưỡng, bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, việc bà Đ nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về: tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 25 tháng 4 năm 2024 bà Trần Bích Đ có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh L, ông L cư trú tại tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh

An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thanh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 20/8/2024 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa bà Đ và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang vào năm 2011 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà Đ và ông L đã ly thân từ năm 2015 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà Đ và ông L đã đến mức trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2015 đến nay chưa về chung sống lại bà Đ và ông L bỏ mặc nhau tự sống và có đời sống riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung bà Đ nộp đơn ly hôn ông L vẫn không có ý xin đoàn tụ cụ thể liên tục vắng mặt các buổi làm việc triệu tập của Toà án và cũng không cung cấp lời khai trình bày cho ý kiến, nguyện vọng của mình để Toà án xem xét không tạo cơ hội để hòa giải với bà Đ tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Hôn nhân giữa bà Đ và ông L chưa có sự cảm thông, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được, điều này phù hợp với kết quả biên bản xác minh các ngày 26/6/2024 và ngày 09/8/2024. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông L có 01 con chung tên Trần Mỹ H, sinh ngày 09/10/2009 hiện bà Đ đang nuôi dưỡng, bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, việc bà Đ nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con, nên có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Đ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Trần Bích Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Bích Đ. Bà Trần Bích Đ được ly hôn với ông Trần Thanh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 21/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Trần Bích Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Mỹ H, sinh ngày 09/10/2009. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với bà Đ, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà Đ.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Bích Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012469

ngày 25-4-2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Trần Bích Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Phi;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng